

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

**MST: 0302705302**

138-142 Hai Bà Trưng, P. Đa Kao

Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**QUÝ I NĂM 2017**

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

**Tp. Hồ Chí Minh, ngày    tháng    năm**

## **MỤC LỤC**

### **Nội dung**

---

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG QUÝ I/2017**

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Thuyết minh báo cáo tài chính

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>3,634,467,577,916</b>	<b>3,769,576,446,736</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>1</b>	<b>1,204,803,008,025</b>	<b>1,252,486,574,658</b>
1. Tiền	111		33,803,008,025	61,483,066,364
2. Các khoản tương đương tiền	112		1,171,000,000,000	1,191,003,508,294
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>653,764,181,351</b>	<b>653,503,729,901</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	4a	3,949,434,564	3,949,434,564
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		(185,253,213)	(445,704,663)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	4b	650,000,000,000	650,000,000,000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1,716,103,532,121</b>	<b>1,801,121,232,343</b>
1. Phải thu khách hàng	131	2	334,432,907,358	327,798,321,979
2. Trả trước cho người bán	132		979,376,000	2,719,043,258
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		8,000,000,000	8,000,000,000
4. Các khoản phải thu khác	136	5	1,384,181,560,441	1,474,094,178,784
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(11,490,311,678)	(11,490,311,678)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>576,809,260</b>	<b>10,165,815,465</b>
1. Hàng tồn kho	141		2,591,799,413	17,251,082,258
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2,014,990,153)	(7,085,266,793)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>59,220,047,159</b>	<b>52,299,094,369</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	3	11,536,907,015	4,273,429,195
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		47,621,063,096	47,963,589,924
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		62,077,048	62,075,250



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>3,514,488,018,732</b>	<b>3,521,648,075,094</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>26,634,617,362</b>	<b>26,634,617,362</b>
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212		18,454,707,562	18,454,707,562
2. Phải thu dài hạn khác	216		8,179,909,800	8,179,909,800
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>61,066,064,863</b>	<b>64,784,230,775</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	41,641,756,195	44,250,676,405
- Nguyên giá	222		79,281,969,527	79,281,969,527
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37,640,213,332)	(35,031,293,122)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	19,424,308,668	20,533,554,370
- Nguyên giá	228		40,301,011,821	40,301,011,821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(20,876,703,153)	(19,767,457,451)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>9</b>	<b>5,917,666,600</b>	<b>5,270,506,600</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5,917,666,600	5,270,506,600
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>3,355,663,269,447</b>	<b>3,355,978,919,712</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	4c	1,890,624,803,969	1,890,624,803,969
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		1,511,005,599,984	1,511,005,599,984
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(45,967,134,506)	(45,651,484,241)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>65,206,400,460</b>	<b>68,979,800,645</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	3	47,702,092,564	49,905,359,348
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		17,504,307,896	19,074,441,297
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>7,148,955,596,648</b>	<b>7,291,224,521,830</b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

vào ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31 tháng 03 năm 2017	31 tháng 12 năm 2016
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>1,517,418,007,809</b>	<b>1,642,361,598,365</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>721,114,087,987</b>	<b>846,057,678,543</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	33,720,017,468	50,134,371,255
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	4,888,805,254
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	11	52,543,122,994	76,680,167,741
4. Phải trả người lao động	314		3,224,731,173	6,416,070,220
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	12	60,302,638,785	77,833,462,918
6. Lợi nhuận chưa thực hiện	318		-	666,666,667
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	130,511,716,218	128,884,064,020
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	14	437,170,193,713	497,954,035,628
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1,691,150,840	2,331,150,840
10. Phải trả ngắn hạn khác	337		1,950,516,796	268,884,000
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>796,303,919,822</b>	<b>796,303,919,822</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		791,639,780,822	791,639,780,822
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342		4,664,139,000	4,664,139,000
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>5,631,537,588,839</b>	<b>5,648,862,923,465</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	15	<b>5,631,537,588,839</b>	<b>5,648,862,923,465</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2,566,533,970,000	2,566,533,970,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3,192,083,261,700	3,192,083,261,700
3. Cổ phiếu quỹ	415		(1,959,478,509,838)	(1,959,478,509,838)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		51,162,916,267	51,162,916,267
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		16,135,952,841	16,135,952,841
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1,765,099,997,869	1,782,425,332,495
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1,782,425,332,495	811,422,346,370
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		(17,325,334,626)	971,002,986,125
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>7,148,955,596,648</b>	<b>7,291,224,521,830</b>





Trần Minh Nguyệt  
Người lập

Ngày 18 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên  
Tổng Giám đốc



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016
1. Doanh thu bán hàng	1	1	42,331,431,271	162,758,035,752
2. Các khoản giảm trừ	2	2	903,715	58,940,299
3. Doanh thu thuần	10		42,330,527,556	162,699,095,453
4. Giá vốn hàng bán	11	3	34,942,437,555	128,143,731,567
5. Lợi nhuận gộp	20		7,388,090,001	34,555,363,886
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4	20,272,255,220	30,907,367,406
7. Chi phí tài chính	22	5	3,819,990,152	1,490,618,117
- Trong đó chi phí lãi vay	23		25,173,366,950	1,330,708,643
8. Chi phí bán hàng	25	8	5,688,332,975	32,108,385,322
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	8	36,357,622,443	31,782,682,826
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18,205,600,349)	81,045,027
11. Thu nhập khác	31	6	2,863,786,775	1,335,035,642
12. Chi phí khác	32	7	413,387,651	141,067,868
13. Lợi nhuận khác	40		2,450,399,124	1,193,967,774
14. Tổng lợi nhuận trước thuế	50		(15,755,201,225)	1,275,012,801
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		1,570,133,401	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(17,325,334,626)	1,275,012,801



  
 Trần Minh Nguyệt  
 Người lập

  
 Nguyễn Thị Oanh  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Lệ Nguyên  
 Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 04 năm 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>(15,755,201,225)</b>	<b>1,275,012,801</b>
<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao tài sản cố định	02	V.05,06	3,718,165,912	3,435,391,581
- Các khoản dự phòng	03		(5,015,077,825)	89,711,100
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		(7,042,925)	2,618,538
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(20,220,710,795)	(29,073,521,364)
- Chi phí lãi vay	06	V.20	25,173,366,950	1,330,708,643
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>(12,106,499,908)</b>	<b>(22,940,078,701)</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		108,896,336,361	(189,355,887,123)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		14,659,282,845	(4,972,567,301)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(52,264,650,454)	(58,444,036,765)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(5,060,211,036)	(31,868,864,630)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4,425,923,787)	(90,133,226)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(23,000,000,000)	(600,000,000,000)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(640,000,000)	(1,706,028,230)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>26,058,334,021</b>	<b>(909,377,595,975)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
- Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(647,160,000)	(3,957,569,091)
- Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(35,633,000,000)
- Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		(34,200,000,000)	-
- Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		22,384,599,686	34,216,827,409
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12,462,560,314)</b>	<b>(5,373,741,682)</b>



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017	Cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2016
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
- Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	(831,373,476)
- Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		42,909,220,757	163,183,826,532
- Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(103,693,062,672)	(49,617,147,740)
- Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
- Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(502,541,350)	(122,261,300)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(61,286,383,265)</b>	<b>112,613,044,016</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>		<b>(47,690,609,558)</b>	<b>(802,138,293,642)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	V.01	<b>1,252,486,574,658</b>	<b>1,115,564,192,418</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		7,042,925	(2,618,539)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	V.01	<b>1,204,803,008,025</b>	<b>313,423,280,237</b>




Trần Minh Nguyệt  
Người lập

Ngày 18 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng

Trần Lệ Nguyễn  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

cho kỳ kế toán ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2017

## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

### 1.1 Hình thức sử dụng vốn:

Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido là một doanh nghiệp được thành lập theo Luật Doanh nghiệp nước Cộng hòa Xã hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0302705302 cấp lần đầu ngày 06 tháng 09 năm 2002 do phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh:

Sản xuất chế biến thực phẩm.

### 1.3 Ngành nghề kinh doanh:

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là: Chế biến, mua bán nông sản thực phẩm, sản xuất bánh, kẹo, nước uống tinh khiết và nước ép trái cây,...

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm báo cáo.

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : tiền đồng Việt Nam

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 3.1 Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo thông tư số: 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, các quy định có liên quan

### 3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Báo cáo tài chính của công ty CP Tập đoàn Kido được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam, các thông tư hướng dẫn sửa đổi bổ sung do Bộ Tài Chính ban hành.

### 3.3 Hình thức kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 4.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

#### Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tiền bao gồm Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi Ngân Hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 3 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền

#### Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời, điểm phát sinh nghiệp vụ.

### 4.2 Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu.

Những chi phí không được tính vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Chi phí Nguyên vật liệu, chi phí nhân công và Các chi phí sản xuất, kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường.



## CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng.
  - Chi phí bán hàng.
  - Chi phí quản lý doanh nghiệp.
- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ : tính theo đơn giá mua bình quân gia quyền

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** công ty áp dụng Phương pháp kê khai thường xuyên  
**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (kém phẩm chất lỗi thời... ) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của công ty và công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 4.3 Nguyên tắc ghi nhận khấu hao TSCĐ và bất động sản đầu tư:

#### Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu hình, vô hình)

Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá TSCĐ thuê tài chính:

Tài sản cố định thuê tài chính được ghi nhận nguyên giá theo giá trị hợp lý hoặc giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu (không bao gồm thuế GTGT) và các chi phí trực tiếp phát sinh.

**Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.**

Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
Máy móc, thiết bị	5 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Thương hiệu	20 năm
Phần mềm kế toán	3 năm

### 4.4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc, chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác, chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sản xuất.

### 4.5 Kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, vốn góp vào cơ sở đồng kiểm soát

#### Đầu tư vào các Công ty con:

Các khoản đầu tư vào các Công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết và liên doanh đồng kiểm soát sau ngày đầu tư được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn: các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:**

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " tương đương tiền"
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn



## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

#### **4.6 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay:**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh  
-Tỷ lệ vốn hóa được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ

#### **4.7 Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí trả trước:**

Chi phí trả trước: Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh.

- Chi phí chuẩn bị sản xuất (bao gồm chi phí đào tạo..);
- Chi phí nguyên cứu thị trường, tư vấn thiết kế sản phẩm;
- Chi phí chạy thử có tải, sản xuất thử phát sinh lớn;
- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ ;
- Chi phí quảng cáo Có giá trị lớn

#### **4.8 Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả:**

Được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

#### **4.9 Nguyên tắc phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả**

#### **4.10 Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu (Vốn cổ phần) được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu (bằng số cổ phần đã phát hành nhân với mệnh giá)

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

#### **4.11 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công Ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

##### **Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

##### **Tiền lãi**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### **Cổ tức**

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công Ty được xác lập.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

### **4.12 Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí cho vay hoặc đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.
- Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với Doanh thu hoạt động TC

### **4.13 Nguyên tắc ghi nhận Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu, thì khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp này được ghi nhận thẳng vào Vốn chủ sở hữu.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các niên độ kế toán trước và sau.

#### **Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ thực hiện được.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán**

Đơn vị tính: VND

<b>1. Tiền</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
- Tiền mặt	191,472,985	9,907,920
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33,611,535,040	61,473,158,444
- Các khoản tương đương tiền	1,171,000,000,000	1,191,003,508,294
<b>Cộng</b>	<b>1,204,803,008,025</b>	<b>1,252,486,574,658</b>

<b>2. Phải thu của khách hàng</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>		
- Chi tiết các khoản phải thu của khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng		
Công ty TNHH MTV Thực Phẩm KIDO	327,017,142,340	327,625,475,329
- Các khoản phải thu khách hàng khác	7,415,765,018	172,846,650
<b>Cộng</b>	<b>334,432,907,358</b>	<b>327,798,321,979</b>

<b>b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng)</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Đông Lạnh KIDO	712,750,530	144,907,617
Công ty TNHH MTV Thực Phẩm KIDO	327,017,142,340	327,625,475,329
Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An	1,364,174,460	-
Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	5,501,771,496	3,423,419

<b>3. Chi phí trả trước</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>a) Ngắn hạn</b>		
Dịch vụ mua ngoài	11,536,907,015	4,273,429,195
<b>Cộng</b>	<b>11,536,907,015</b>	<b>4,273,429,195</b>

<b>b) Dài hạn</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
Sửa chữa văn phòng	1,299,295,811	2,455,481,017
Thuê đất	45,914,655,000	46,196,340,004
Khác	488,141,753	1,253,538,327
<b>Cộng</b>	<b>47,702,092,564</b>	<b>49,905,359,348</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****4. Các khoản đầu tư tài chính**

	<b>Cuối kỳ</b>			<b>Đầu năm</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>						
<b>- Tổng giá trị cổ phiếu;</b>						
(chi tiết từng loại cổ phiếu chiếm từ 10% trên tổng giá trị cổ phiếu trở lên)						
Công ty Cổ phần Hóa An	140,771	88,200	(52,571)	140,772	26,400	(114,372)
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu	89,634	58,250	(31,384)	89,634	75,499	(14,135)
Ngân hàng Á Châu	3,837,667	1,739,500	(2,098,167)	3,837,667	1,082,900	(2,754,767)
Công ty CP Song Da 9	457,990	86,900	(371,090)	457,990	84,000	(373,990)
Công ty CP Chứng Khoán TP. HCM	1,802,700,000	1,620,000,000	(182,700,000)	1,802,700,000	1,802,700,000	(442,447,399)
Công ty CP Tập Đoàn Hoa Sen	396,594,000	992,550,000	-	396,594,000	396,594,000	-
Công ty CP Tập Đoàn Hoà Phát	1,745,614,500	2,977,350,000	-	1,745,614,500	1,745,614,500	-
	<b>3,949,434,564</b>	<b>5,591,872,850</b>	<b>(185,253,213)</b>	<b>3,949,434,564</b>	<b>3,946,177,299</b>	<b>(445,704,663)</b>

**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

- Tiền gửi có kỳ hạn

<b>Cuối năm</b>	<b>Đầu năm</b>
650,000,000,000	650,000,000,000



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (chi tiết từng khoản đầu tư theo tỷ lệ vốn nắm giữ và tỷ lệ quyền biểu quyết)**

	<b>Cuối kỳ</b>				<b>Đầu năm</b>			
	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Tỷ lệ</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị hợp lý</b>	<b>Dự phòng</b>
<b>Đầu tư vào công ty con</b>								
- Công Ty CP Thực Phẩm Đông Lạnh Kido	100	470,013,803,071	470,013,803,071	-	100	470,013,803,071	247,559,771,500	-
- Công ty TNHH Tân An Phước	80	363,000,000,000	359,281,027,790	(3,718,972,210)	80	363,000,000,000	359,281,027,790	(3,697,950,810)
- Công ty CP TM và H.Tác Q.Tê Hà Nội	75.73	5,171,250,000	5,171,250,000	-	75.73	5,171,250,000	5,171,250,000	-
- Công ty TNHH T.Mại & Dịch Vụ Kido	100	7,500,000,000	7,500,000,000	-	100	7,500,000,000	7,500,000,000	-
- Công ty TNHH MTV Thực Phẩm Kido	100	30,000,000,000	-	(30,000,000,000)	100	30,000,000,000	-	(30,000,000,000)
- Công ty CP Dầu Thực Vật Tường An	65	1,014,939,750,898	1,014,939,750,898	-	65	1,014,939,750,898	1,014,939,750,898	-
<b>Cộng</b>		<b>1,890,624,803,969</b>	<b>1,856,905,831,759</b>	<b>(33,718,972,210)</b>		<b>1,890,624,803,969</b>	<b>1,634,451,800,188</b>	<b>(33,697,950,810)</b>
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>								
- Công ty Cổ Phần Đầu Tư Lavenue	50	1,087,500,000,000	1,075,251,837,704	(12,248,162,296)	50	1,087,500,000,000	1,075,546,466,569	(11,953,533,431)
- Tổng Cty C.Nghiệp Dầu T.Vật Việt Nam	24	421,505,599,984	421,505,599,984	-	24	421,505,599,984	421,505,599,984	-
- Cty CP Đầu tư Phát Triển Phong Thịnh	34	2,000,000,000	2,000,000,000	-	34	2,000,000,000	2,000,000,000	-
		<b>1,511,005,599,984</b>	<b>1,498,757,437,688</b>	<b>(12,248,162,296)</b>		<b>1,511,005,599,984</b>	<b>1,499,052,066,553</b>	<b>(11,953,533,431)</b>
				<b>(45,967,134,506)</b>				

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**5. Phải thu khác****Ngắn hạn**

- Phải thu chuyển nhượng đầu tư;
- Tạm ứng đầu tư
- Lãi tiền gửi
- Phải thu khác.

**Cộng**

<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
78,475,000,000	-	112,675,000,000	-
1,282,746,591,000	-	1,332,746,591,000	-
12,388,888,889	-	14,552,777,780	-
10,571,080,552	-	14,119,810,004	-
<b>1,384,181,560,441</b>	<b>-</b>	<b>1,474,094,178,784</b>	<b>-</b>

**6. Hàng tồn kho:**

- Nguyên liệu, vật liệu
- Công cụ, dụng cụ
- Hàng hóa

**Cộng**

<u>Cuối kỳ</u>		<u>Đầu năm</u>	
Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
2,014,990,154	(2,014,990,153)	12,487,805,299	(7,085,266,793)
569,775,699	-	1,506,892,860	-
7,033,560	-	3,256,384,099	-
<b>2,591,799,413</b>	<b>(2,014,990,153)</b>	<b>17,251,082,258</b>	<b>(7,085,266,793)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện	TSCĐ hữu hình	Tổng cộng
			vận tải, truyền dẫn	khác	
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	3,353,396,944	861,279,274	64,620,755,184	10,446,538,125	79,281,969,527
Số dư cuối kỳ	3,353,396,944	861,279,274	64,620,755,184	10,446,538,125	79,281,969,527
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	(1,990,563,906)	(370,298,268)	(28,447,884,968)	(4,222,545,980)	(35,031,293,122)
- Khấu hao trong năm	(99,809,613)	(32,302,058)	(1,951,197,891)	(525,610,648)	(2,608,920,210)
Số dư cuối kỳ	(2,090,373,519)	(402,600,326)	(30,399,082,859)	(4,748,156,628)	(37,640,213,332)
<b>Giá trị còn lại</b>					
- Tại ngày đầu năm	1,362,833,038	490,981,006	36,172,870,216	6,223,992,145	44,250,676,405
- Tại ngày cuối kỳ	1,263,023,425	458,678,948	34,221,672,325	5,698,381,497	41,641,756,195

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình:**

Khoản mục	Phần mềm	Tổng cộng
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	<u>40,301,011,821</u>	<u>40,301,011,821</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<u><b>40,301,011,821</b></u>	<u><b>40,301,011,821</b></u>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	(19,767,457,451)	(19,767,457,451)
- Khấu hao trong năm	<u>(1,109,245,702)</u>	<u>(1,109,245,702)</u>
<b>Số dư cuối năm</b>	<u><b>(20,876,703,153)</b></u>	<u><b>(20,876,703,153)</b></u>
<b>Giá trị còn lại</b>		
- Tại ngày đầu năm	<u>20,533,554,370</u>	<u>20,533,554,370</u>
- Tại ngày cuối năm	<u><b>19,424,308,668</b></u>	<u><b>19,424,308,668</b></u>

**9. Tài sản dở dang dài hạn**

Xây dựng cơ bản dở dang (Chi tiết cho các công trình chiếm từ 10% trên tổng giá trị XD CB)

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Phí triển khai phần mềm	<u>5,917,666,600</u>	<u>5,270,506,600</u>
<b>Cộng</b>	<u><b>5,917,666,600</b></u>	<u><b>5,270,506,600</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****10. Phải trả người bán****a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn**

- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả:

- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam
- Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An
- Công ty Cổ Phần Truyền Thông Đất Việt VAC

- Phải trả cho các đối tượng khác

**Cộng****b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)**

- Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kido
- Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Đông Lạnh Kido
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam

**Cộng****11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước****a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)**

- Thuế TNCN
- Thuế TNDN
- Thuế khác

**Cộng****b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)**

- Thuế khác

**Cộng**

	Cuối kỳ		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>				
- Chi tiết cho từng đối tượng chiếm từ 10% trở lên trên tổng số phải trả:				
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	3,275,954,242	3,275,954,242	14,425,136,152	14,425,136,152
- Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An	29,928,394,859	29,928,394,859	4,611,314,840	4,611,314,840
- Công ty Cổ Phần Truyền Thông Đất Việt VAC	-	-	11,981,393,038	11,981,393,038
- Phải trả cho các đối tượng khác	515,668,367	515,668,367	19,116,527,225	19,116,527,225
<b>Cộng</b>	<b>33,720,017,468</b>	<b>33,720,017,468</b>	<b>50,134,371,255</b>	<b>50,134,371,255</b>
<b>b) Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết cho từng đối tượng)</b>				
- Công ty TNHH Thương Mại Và Dịch Vụ Kido	29,928,394,859	29,928,394,859	4,611,314,840	4,611,314,840
- Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An	1,757,132	1,757,132	30,139,170	30,139,170
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	27,106,801	27,106,801	28,921,196	28,921,196
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Đông Lạnh Kido	3,275,954,242	3,275,954,242	14,425,136,152	14,425,136,152
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	33,233,213,034	33,233,213,034	19,095,511,358	19,095,511,358
<b>Cộng</b>	<b>33,233,213,034</b>	<b>33,233,213,034</b>	<b>19,095,511,358</b>	<b>19,095,511,358</b>
<b>11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>				
<b>a) Phải nộp (chi tiết theo từng loại thuế)</b>				
- Thuế TNCN	1,623,152,736	5,142,747,388	6,279,792,135	486,107,989
- Thuế TNDN	71,149,333,949	-	23,000,000,000	48,149,333,949
- Thuế khác	3,907,681,056	-	-	3,907,681,056
<b>Cộng</b>	<b>76,680,167,741</b>	<b>5,142,747,388</b>	<b>29,279,792,135</b>	<b>52,543,122,994</b>
<b>b) Phải thu (chi tiết theo từng loại thuế)</b>				
- Thuế khác	(62,077,048)	-	-	(62,077,048)
<b>Cộng</b>	<b>(62,077,048)</b>	<b>5,142,747,388</b>	<b>29,279,792,135</b>	<b>(62,077,048)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

<b>12. Chi phí phải trả</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Phí tư vấn tái cấu trúc	18,968,722,524	43,199,629,782
- Chi phí lương T13	3,339,878,014	15,636,352,849
- Chi phí tiếp thị, quảng cáo	4,531,257,125	5,996,113,910
- Chi phí vận chuyển	-	20,000,000
- Chi phí lãi vay	31,205,479,452	10,458,036,289
- Chi phí khác	2,257,301,670	2,523,330,088
<b>Cộng</b>	<b>60,302,638,785</b>	<b>77,833,462,918</b>

<b>13. Phải trả khác</b>	<b>Cuối kỳ</b>	<b>Đầu năm</b>
<b>Ngắn hạn</b>		
- Kinh phí công đoàn	97,081,506	205,034,338
- Bảo hiểm xã hội	34,210,497	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	7,218,796	7,218,796
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	4,506,790,250	5,009,331,600
- Giữ hộ vốn góp	100,000,000,000	100,000,000,000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25,866,415,169	23,662,479,286
<b>Cộng</b>	<b>130,511,716,218</b>	<b>128,884,064,020</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

Đơn vị tính: VND

**14. Vay và nợ thuê tài chính**

Chi tiêu	Cuối kỳ		Trong năm		Đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>						
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam	41,692,254,995	41,692,254,995	35,207,094,637	38,210,440,239	44,695,600,597	44,695,600,597
- Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam	57,706,208,541	57,706,208,541	7,171,337,943	23,482,622,433	74,017,493,031	74,017,493,031
- Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Đông Lạnh Kido	139,395,942,000	139,395,942,000	-	42,000,000,000	181,395,942,000	181,395,942,000
- Trái phiếu phát hành	198,375,788,177	198,375,788,177	530,788,177	-	197,845,000,000	197,845,000,000
<b>Cộng</b>	<b>437,170,193,713</b>	<b>437,170,193,713</b>	<b>42,909,220,757</b>	<b>103,693,062,672</b>	<b>497,954,035,628</b>	<b>497,954,035,628</b>
<b>b) Vay dài hạn</b>						
- Trái phiếu phát hành	791,639,780,822	791,639,780,822	-	-	791,639,780,822	791,639,780,822
	<b>791,639,780,822</b>	<b>791,639,780,822</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>791,639,780,822</b>	<b>791,639,780,822</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG****15. Vốn chủ sở hữu**

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối và các quỹ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Cộng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>2,566,533,970,000</b>	<b>3,192,083,261,700</b>	<b>16,135,952,841</b>	<b>1,316,409,084,770</b>	<b>(1,958,647,136,362)</b>	<b>51,162,916,267</b>	<b>5,183,678,049,216</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	971,002,986,125	-	-	971,002,986,125
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	(831,373,476)	-	(831,373,476)
- Cổ tức đã trả	-	-	-	(493,586,738,400)	-	-	(493,586,738,400)
- Thù lao HĐQT	-	-	-	(11,400,000,000)	-	-	(11,400,000,000)
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>2,566,533,970,000</b>	<b>3,192,083,261,700</b>	<b>16,135,952,841</b>	<b>1,782,425,332,495</b>	<b>(1,959,478,509,838)</b>	<b>51,162,916,267</b>	<b>5,648,862,923,465</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	-	(17,325,334,626)	-	-	(17,325,334,626)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>2,566,533,970,000</b>	<b>3,192,083,261,700</b>	<b>16,135,952,841</b>	<b>1,765,099,997,869</b>	<b>(1,959,478,509,838)</b>	<b>51,162,916,267</b>	<b>5,631,537,588,839</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

a) Doanh thu	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng;	42,331,431,271	162,758,035,752
<b>Cộng</b>	<b>42,331,431,271</b>	<b>162,758,035,752</b>

**b) Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết từng đối tượng).**

- Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An	1,240,158,600	-
- Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	113,542,974	-
- Công ty TNHH MTV Thực Phẩm Kido	5,617,460,992	160,884,391,629
- Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	5,015,528,925	-
<b>Cộng</b>	<b>11,986,691,491</b>	<b>160,884,391,629</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu****Trong đó:**

	Năm nay	Năm trước
- Hàng bán bị trả lại.	903,715	58,940,299
<b>Cộng</b>	<b>903,715</b>	<b>58,940,299</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	34,942,437,555	128,143,731,567
<b>Cộng</b>	<b>34,942,437,555</b>	<b>128,143,731,567</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	20,144,980,795	29,048,521,364
- Cổ tức, lợi nhuận được chia;	75,730,000	25,000,000
- Lãi chênh lệch tỷ giá;	7,042,925	8,115,557
- Doanh thu hoạt động tài chính khác.	44,501,500	1,825,730,485
<b>Cộng</b>	<b>20,272,255,220</b>	<b>30,907,367,406</b>

**5. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay;	25,173,366,950	1,330,708,643
- Hoàn nhập/ Chi phí tài chính khác;	(43,353,376,798)	159,909,474
<b>Cộng</b>	<b>(18,180,009,848)</b>	<b>1,490,618,117</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**

<b>6. Thu nhập khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	-	16,590,909
- Các khoản khác.	2,863,786,775	1,318,444,733
<b>Cộng</b>	<b>2,863,786,775</b>	<b>1,335,035,642</b>

<b>7. Chi phí khác</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Giá trị còn lại TSCĐ và chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ;	31,830,604	38,518,857
- Các khoản khác.	381,557,047	102,549,011
<b>Cộng</b>	<b>413,387,651</b>	<b>141,067,868</b>

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí QLDN;		
- Chi phí nhân công	3,363,491,788	4,337,477,861
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1,390,275,342	25,903,401,348
- Chi phí khấu hao	26,237,482	2,899,995
- Chi phí công cụ dụng cụ	605,153,974	1,463,834,220
- Các khoản chi phí bán hàng khác.	303,174,389	400,771,898
<b>Cộng</b>	<b>5,688,332,975</b>	<b>32,108,385,322</b>

<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ</b>	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
- Chi tiết các khoản chiếm từ 10% trở lên trên tổng chi phí bán hàng;		
- Chi phí nhân công	14,458,373,833	11,344,153,195
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,652,767,246	15,597,664,785
- Chi phí khấu hao	3,663,207,814	3,393,972,729
- Chi phí công cụ dụng cụ	193,336,252	104,773,843
- Các khoản chi phí QLDN khác.	2,389,937,298	1,342,118,274
<b>Cộng</b>	<b>36,357,622,443</b>	<b>31,782,682,826</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Công ty có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một tập đoàn.

Giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán Quý 01 năm 2017
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Kido Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty con	Bán hàng hóa, công cụ và dụng cụ	5,617,460,992
	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(850,647,300)
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Đông Lạnh Kido	Công ty con	Phí gia công	(347,788,340)
		Phí thuê và bảo trì	516,220,830
		Lãi tiền vay	(2,579,040,097)
Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(1,649,450)
		Phí gia công	(27,641,886)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	
<b>Phải thu khách hàng</b>			
Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Kido	Công ty con	Bán hàng hóa và nguyên vật liệu	327,017,142,340
Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An	Công ty con	Bán hàng hóa	1,364,174,460
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Đông Lạnh Kido	Công ty con	Bán hàng hóa	712,750,530
Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	5,501,771,496
<b>Tổng</b>			<b>334,595,838,826</b>
<b>Phải thu ngắn hạn khác</b>			
Công ty Cổ phần Chứng Khoán Rồng Việt	Công ty liên quan	Tạm ứng đầu tư	1,172,639,391,000
<b>Tổng</b>			<b>1,172,639,391,000</b>
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>			
Tổng Công Ty Công Nghiệp Dầu Thực Vật Việt Nam	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và nguyên vật liệu	(3,275,954,242)
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Đông Lạnh Kido	Công ty con	Mua thành phẩm	(27,106,801)
Công ty Dầu Ăn Golden Hope - Nhà Bè	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	(1,757,132)
Công ty Cổ Phần Dầu Thực Vật Tường An	Công ty con	Mua hàng hóa	(29,928,394,859)
<b>Tổng</b>			<b>(33,233,213,034)</b>
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>			
Công ty TNHH Tân An Phước	Công ty con	Giữ hộ vốn góp	(100,000,000,000)
Công ty Cổ Phần Thực Phẩm Đông Lạnh Kido	Công ty con	Vay	(139,395,942,000)
<b>Tổng</b>			<b>(239,395,942,000)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**

138 - 142 Hai Bà Trưng, P.ĐaKao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG**



Trần Minh Nguyệt  
Người lập

Ngày 18 tháng 04 năm 2017



Nguyễn Thị Oanh  
Kế toán trưởng



Trần Lệ Nguyên  
Tổng Giám đốc



Số: 0420 /2017/CV-KDC  
(V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận)

TpHCM, ngày 20 tháng 04 năm 2017

**Kính gửi:** ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC  
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TPHCM

Liên quan đến vấn đề chênh lệch lợi nhuận giữa Quý 1/2017 và Quý 1/2016, Chúng tôi xin giải trình như sau:

ĐVT: triệu đồng

	Hợp nhất			Công ty mẹ		
	Quý 1/2017	Quý 1/2016	% Tăng trưởng	Quý 1/2017	Quý 1/2016	% Tăng trưởng
Doanh thu thuần	1.250.030	393.796	217,4%	42.331	162.699	-73,9%
Lợi nhuận trước thuế	41.772	31.025	34,6%	-15.755	1.275	-1,335,7%
Lợi nhuận sau thuế	30.396	27.526	10,4%	-17.325	1.275	-1,458,8%
Biên lợi nhuận trước thuế	3,3%	7,9%		-37,2%	0,8%	
Biên lợi nhuận sau thuế	2,4%	6,9%		-40,9%	0,8%	

**A. Báo cáo Hợp nhất:**

- Doanh thu thuần tăng 217,4% đến từ việc hợp nhất doanh thu từ Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.
- Lợi nhuận trước và sau thuế tăng lần lượt 34,6% và 10,4% do việc hợp nhất Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An.

**B. Báo cáo Công ty mẹ:**

- Doanh thu thuần của công ty mẹ giảm 73,9% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty chuyển đổi mô hình kinh doanh để các công ty con và công ty thành viên chủ động trong việc quản lý sản xuất và hoạt động. Trong khi, Công ty mẹ sẽ đảm nhiệm vai trò hoạch định và quản trị chiến lược, quản trị rủi ro, tư vấn marketing và quảng bá thương hiệu, sản phẩm cho các công ty con và công ty thành viên.
- Theo đó, lợi nhuận trước và sau thuế đều đạt mức thấp hơn so với cùng kỳ năm trước.

Trân trọng kính chào.

**Nơi Nhận:**

- Như trên
- Lưu P. Tài Chính

**TM. CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO**  
**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**TRẦN LỆ NGUYỄN**